



THÀNH PHỐ THỊ CHÍ MINH

Biểu số 48/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	
	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C)	399.125.000	85.313.505
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	399.125.000	74.250.514
I- THU NỘI ĐỊA	272.325.000	74.250.514
Thu nội địa không tính XSKT	269.000.000	70.925.514
Thu nội địa không tính tiền SDĐ	262.325.000	64.250.514
Thu nội địa không tính tiền SDĐ và XSKT	259.000.000	60.925.514
1. Thu từ khu vực kinh tế	175.463.000	30.312.940
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	21.110.000	3.795.520
- Thuế giá trị gia tăng	6.348.000	1.135.080
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.583.000	1.544.940
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước	6.175.000	1.111.500
- Thuế tài nguyên	4.000	4.000
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	8.789.000	1.592.680
- Thuế giá trị gia tăng	2.883.000	518.940
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.000	470.160
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước	3.281.000	590.580
- Thuế tài nguyên	13.000	13.000
1.3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	76.450.000	12.505.940
- Thuế giá trị gia tăng	27.751.000	4.275.180
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.179.000	5.252.220
- Khí lãi được chia của Chính phủ Việt Nam	2.208.000	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước	17.286.000	2.952.540
- Thuế tài nguyên	26.000	26.000
1.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	69.114.000	12.418.800
- Thuế giá trị gia tăng	35.079.000	6.314.220
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.938.000	5.928.840
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước	1.073.000	151.740
- Thuế tài nguyên	24.000	24.000
2. Thu khác	87.387.000	34.462.574
2.1. Thuế thu nhập cá nhân	43.000.000	7.740.000
2.2. Thuế bảo vệ môi trường	12.935.000	870.120
2.3. Lệ phí trước bạ	6.900.000	6.900.000
2.4. Thu phí, lệ phí	4.600.000	1.500.000
2.5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000	300.000
2.6. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	4.600.000	4.600.000
2.7. Tiền sử dụng đất	10.000.000	10.000.000
2.8. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	400.000	400.000
2.9. Thu khác và Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác	4.652.000	2.152.454
3. Thu cổ tức và Lợi nhuận được chia	6.150.000	6.150.000
4. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.325.000	3.325.000
II- THU TỪ DẦU THÔ	18.000.000	0
III- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	108.800.000	0
B. THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM 2017 CHUYỂN SANG		7.570.741
Trong đó: Thu bổ sung từ nguồn CCTL đưa vào cân đối chi TX		7.570.741
C. THU BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW	0	3.492.250